NUÔI TÔM SÚ: KỸ THUẬT VÀ HIỆU QUẢ KINH TẾ

□ NGUYỄN MẠNH TƯỜNG

Tôm là một loại thức ăn giàu đạm, ngon, dễ tiêu hoá và không gây ra những chứng bịnh đáng sợ như những thực phẩm khác. Đặc biệt nó không bị hạn chế bởi chế độ ăn kiêng theo tôn giáo nên sức cung ngày càng không thỏa mãn sức cầu của ba thị trường chính: Nhật, Mỹ, Châu Âu. Theo đánh giá của FAO (Food and Agriculture Organization) thì vẫn còn thiếu 200.000 tấn cho 3 thị trường này.

Trong các loài tôm nuôi hiện nay thì tôm sú có những đặc tính ưu việt hơn những loài tôm nước lợ khác. Chính vì vậy nó đã đem lại một hiệu quả nhất định, có thể thấy qua tổng kết của Hiệp hội nuôi tôm từ những người nông dân.

Chi phí sản xuất cho một ha trong một vụ nuôi tôm 4 tháng:

- Con giống: 60đ/con x 40.000 con/ha = 2.400.000đ
- Thức ăn: 500đ/kg x 6.400đ/kg = 3.200.000đ
- Dụng cụ rẻ tiền: 840.000đ

Tổng cộng: 6.440.000đ

Với đầu tư như vậy, năng suất nuôi bình quân từ 900-1000kg/ha/4tháng

Tùy thuộc vào giá cả tôm mà người dân có thể thu lời từ 2 đến 3 triệu đồng.

Đây chưa phải kết quả mong muốn nhưng bước đầu cho thấy triển vọng lâu dài nếu biết đầu tư, ứng dụng khoa học kỹ thuật, và có những kiến thức nhất định về con tôm.

Tôm sú có tên khoa học là Penaeus Monodon, còn được gọi là tôm giang (Minh Hải), tôm he (miền Bắc). Nó phân bố rất rộng, nhưng tập trung ở vùng Đông Nam Á như Đài Loan, Philippines, Indonesia, Malaysia, Việt Nam.

Ở nước ta P.monodon (tôm sú) phân bố tự nhiên và tập trung ở vùng duyên hải miền Trung.

Là tôm có kích thước lớn nhất trong giống Penaeus: ở Philippines có thể đạt 2con/kg. Trong điều kiện nuôi của thế giới có thể đạt 5-7 con/kg. Còn trong điều kiện của ta rất dễ đạt đến loại 1,2.

So với tôm bạc, sức tăng trưởng của nó lớn hơn nhiều. Nếu nuôi theo phương thức quảng canh cải tiến thì sau 3 tháng có thể đạt 40-50g/con, trong khi tôm bạc chỉ đạt 18-25g/con.

Tôm sú là loài rộng muối có thể thích nghi với giới hạn độ mặn từ 2-70%., nhưng trong khoảng 10-15%. là tôm phát triển mạnh nhất. Đặc điểm này rất phù hợp với tính chất nước lợ của đồng bằng Nam bộ. Trong khi ở miền Trung, muốn nuôi ở ven biển phải tính đến phương án khoan nước ngầm để có nước pha đạt độ mặn thích hợp.

Ngưỡng oxy hòa tan của tôm sú thấp hơn một số loài tôm khác, nhất là tôm bạc. Nó có thể chịu đựng đến hàm lượng 1,5-3,8mg02/l, trong khi với giới hạn này tôm bạc đã chết.

Giới hạn của nhiệt độ cao rất lớn, và giới hạn của nhiệt độ thấp rất nhỏ, nhờ vậy trong điều kiện nhiệt độ của ta hoàn toàn thích hợp cho tôm phát triển.

Chính vì một số đặc điểm trên mà hiện nay nhiều người thích nuôi tôm sú. Thế nhưng để đem lại kết quả nhất định, người nuôi phải có một số kiến thức cơ bản về nó.

1- Chọn địa điểm:

1.1. Đất

- Nắm một nắm đất thật chặt, nếu đất không bị bở vụn (vẫn giữ nguyên dạng hình cầu) có thể thích hợp dùng đắp đê vì không thấm hoặc thấm rất ít. Tránh loại đất cát hoặc đất than bùn. Nói chung đất xây dựng ao phải có hàm lượng sét cao (hơn 15%) để tránh rò rỉ và sụt lở công trình.

- Tránh xây dựng ao ở đất phèn nặng (PH). Ở những vùng đất này, nếu xây dựng phải có biện pháp thi công đặc biệt, vì tôm chỉ phát triển tốt ở PH từ 7,5-8,5.

1.2. Nguồn nước

- Nước không bị ô nhiễm công nghiệp hoặc nông nghiệp cũng như chứa nhiều phù sa và đạt yêu cầu về môi trường nuôi của tôm (nhiệt độ: 25-30 độ C; độ mặn: 10- 25%; PH:7-9; hàm lượng oxy : 5mg 02/l...)

Ngoài ra hướng cấp và thoát nước phải thuận lợi để tránh sử dụng lại nước vừa thải từ ao ra.

1.3. Cao trình

Để tiện việc cho tháo cạn ao khi thu hoạch, cải tạo cũng như giảm chi phí đào đắp, thuận tiện cho việc lấy nước qua cống thì cao trình của vùng xây dựng ao phải thấp hơn mức triều cao nhất, phổ biến tối thiểu là 0,5m.

2. Ao nuôi

2.1. Hình dạng: Nên làm hình chữ nhật.

2.2 Hướng ao: đường chéo của ao trùng với hướng gió phổ biến của khu vực đó để làm thoáng khi cho ao và tránh được phần nào tác động cơ học của gió và sóng.

2.3. Diện tích : Không nên làm quá lớn rất khó chăm sóc, quản lý, thu hoạch ngược lại cũng không nên quá nhỏ làm giảm diện tích nuôi (tốn diện tích làm bờ nhiều). Thông thường đối với ao quảng canh cải tiến thì nên nhỏ hơn 5000m^2 không nên lớn hơn 1 ha. Đối với ao bán thâm canh, hợp lý nhất từ 3000m2 trở xuống không nên vượt qúa 0,8ha

2.4. ***Độ sâu:*** Ao nông quá sẽ làm nhiệ độ nước tăng cao vào những ngày hè cũng như làm tăng độ mặn do nước bốc hơi hay làm giảm đột ngột độ mặn khi mưa to.

Ngược lại ao quá sâu cũng không c lợi, sinh vật đáy khó phát triển, dễ dẫn đế hiện tượng phân tầng khối nước khi mư to.

Độ sâu thích hợp cho tôm là 1 đế 1,5m.

2.5. Bờ:

- Tùy theo diện tích ao cụ thể mà mi bờ rộng từ 0,8 đến 2m.

- Chiều cao bờ cao hơn mực nước t thiểu là 0,4m.

2.6. Mương

2.6.1 ***Mương cấp và thoát nước:*** Nhằ để lấy hoàn toàn nước mới, thay nước c và tháo cạn ao khi cần.

- Mương cấp nước có độ sâu bằng đá ao ở phía cống cấp, chiều rộng mương mặt đáy thường là 0,8m, mặt trên ngan bờ: 2-3m.

- Mương thoát nước: Đáy mương ph sâu hơn đáy ao ở phía cống thoát tối thi 0,4-0,5m. Bề rộng mương thoát cũng giố mương cấp.

2.6.2 Mương trong ao:

Trong ao thường có mương chéo n từ cống cấp đến cống thoát và mương b chạy dọc quanh bờ ao. Mương này là n tôm trú ẩn khi nhiệt độ cao vào ngày nó và nhiệt độ thấp vào ngày lạnh. Ngoài độ dốc về phía cống thoát sẽ giúp dễ dà trong khi thu hoạch.

2.7. Cống cấp và thoát nước:

- Miệng cống (khẩu độ cống) phải b đảm cấp đủ nước kịp thời với mực nu

ấp tối thiểu là 20-30cm một ngày và có hể tháo cạn hoàn toàn trong một con triều.

- Chiều cao của cống cấp cao hơn đáy o 20cm để tránh lấy nước đục.

- Cống cấp và thoát được làm bằng 4 he phai (bằng ván) có thể lấy nước ở tầng áy và tháo nước ở tầng mặt dễ dàng trong ường hợp mưa to (tầng mặt bị ngọt)

- Ngoài ra, để ngăn chặn địch hại, ũng như những đối tượng khác cạnh tranh ối tôm vào ao, người ta dùng lưới chắn hiệng cống. Nó có dạng hình túi bằng vải ylon dày và chắc (2 lớp) có thể chịu đựng ối dòng chảy mạnh.

2.8. Đáy ao: Phải bằng phẳng, dốc về hía cống thoát để dễ tháo cạn.

3. Cải tạo ao

Trước khi bắt đầu vụ nuôi, người ta tiến ành cải tạo ao.

- Tháo cạn nước và phơi đáy thường ong vòng một tuần.

- Trong thời gian này tiến hành diệt p bằng hạt bồ hòn tán nhỏ, hoặc rễ cây uốc cá, hoặc dùng vôi (CaO). Hiện nay ta đã sản suất được Rotenone (chiết từ rễ ay thuốc cá) sử dụng rất có kết quả. Nên ến hành công việc này vào giữa trưa.

- Đắp cẩn thận những chỗ rò rỉ, cày ày ao để đất tơi xốp. Tuy nhiên, ở những đáy có nhiều chất phèn tiềm tàng, khi hơi đáy phải thật cẩn thận nếu không sẽ m giảm PH của nước.

- Sau khi phơi ta tiến hành lấy nước a ao, đối với ao phèn phải rửa nhiều lần ến khi hết phèn thì thôi. Sau đó mới lấy ay nước theo yêu cầu. Khi ấy phải chú ý ối ngăn địch hại (cá, trứng cá...)

4.Thả giống

- Thả Post-larva 35-40 (P35-P40), khỏe ông bị bệnh.

- Mật độ: với 3-5con/m2 (quảng canh i tiến), 6-10con (bán thâm canh)

- Thả tôm khi nhiệt độ thấp, vào lúc ng sớm và chiều tối. Nhiệt độ nước trong và nước vận chuyển không được chênh ch quá cao, chỉ cho phép 1-2 độ C. Để o chứa tôm giống nổi trên ao 15-20 phút, u đó cho nước từ từ vào. Cần phải biết ức chênh lệch độ mặn giữa nước vận uyển và nước ao. Nếu không có dụng cụ độ mặn, có thể cho 1/3 lượng nước ng bao, để yên 15-20 phút lặp lại 2-3 rồi thả xuống ao.

5. Cho ăn

5.1 Thức ăn:

- Chi phí thức ăn thường chiếm 50% ng chi phí trong việc nuôi tôm. Do đó u sử dụng tốt các loại thức ăn có thể m được chi phí này mà kết quả vẫn bảo m.

- Nhu cầu thành phần đạm của tôm từ đến 35%, còn lại là tinh bột, lipid, sterol, páng và vitamin. Đối với khoáng, cần chú đến photpho. Vitamin cũng phải hết sức ú ý. Đủ vitamin tôm sẽ phát triển bình ường, thiếu nó thường gây ra một số bệnh. n phải đưa vào vitamin nhóm B, ngoài thêm và C và F.

- Thức ăn sử dụng có thể là vật liệu thô, phế phẩm: các loại cá tạp, phế phẩm ở lò sát sinh, ở các lò chế biến tôm, cá, nhuyễn thể (ốc, vẹm, ngao, mực...) và tất cả những phụ phế phẩm từ thực vật như bánh đậu phộng, đậu nành.

- Diện tích nuôi ngày càng mở rộng, năng suất ngày càng cao, và nhất là để chủ động trong việc cho ăn, người ta ngày càng sử dụng nhiều thức ăn tổng hợp. Căn cứ vào vài yêu cầu phát triển của tôm mà người ta chế biến cho thích hợp.

5.2 Cách cho ăn:

- Cho ăn từ 1-2 lần trong ngày.

- Nên cho ăn vào lúc chạng vạng tối vì tập tính của tôm là bắt mồi vào lúc này (9giờ sáng và 17-18giờ chiều).

- Thức ăn rải đều trong ao. Có thể điều chỉnh số lượng bằng cách quan sát tập tính của tôm. Nếu thấy tôm di chuyển từng đàn dọc theo 2 bên bờ thì tôm đói, phải tăng thêm khẩu phần. Tránh cho ăn gần cửa cống khiến tôm tập trung nhiều nơi đây và có thể đi ra ngoài.

Chú ý, trong những ngày không thay nước được nên hạn chế thức ăn lại để tránh lượng thức ăn thừa gây ô nhiễm dẫn đến tôm nổi đầu.

6. Thay nước:

Nhằm cung cấp thêm lượng nước dồi dào Oxy, phong phú thức ăn; cũng như để đưa ra ngoài CO2, các loại khí độc (NH4, SO2, H2S...) và vi sinh vật gây bệnh.

- Trong điều kiện nuôi, nếu có thể được thì thay nước thường xuyên. Dưới tác dụng của dòng nước mát kích thích, tôm phát triển và lớn nhanh.

7. Bệnh:

Trong nghề nuôi thủy sản nói chung, nghề nuôi tôm nói riêng, việc chữa trị rất tốn kém, nhưng lại ít đem lại hiệu quả, nên vấn đề phòng bệnh phải được đặt lên hàng đầu. Hoặc phải phát hiện bệnh ở giai đoạn sớm thì mới hi vọng được phần nào, chứ để đến giai đoạn nặng thì việc chữa trị hầu như ít đem lại kết quả như mong muốn.

Qua tìm hiểu một số bệnh, người ta đã tìm ra một số nguyên nhân gây bệnh và cách phòng bệnh sau:

- Cải tạo kỹ, tiêu diệt mầm bệnh (bằng vôi)

- Tránh thay đổi đột ngột các yếu tố môi trường: Nhiệt độ, PH, giảm hàm lượng O2, độ mặn...

- Tránh cho ăn thừa gây ra những khí độc: SO2, H2S, NH3 và một số kim loại nặng. Tránh cho ăn thức ăn ôi, nhiễm độc.

- Thay nước thường xuyên để môi trường luôn trong sạch.

- Cho ăn đầy đủ cả về lượng lẫn chất (Chú ý đến các chất khoáng và vitamin, hàm lượng đạm trong khẩu phần).

8. Quản lý ao nuôi:

- Thường xuyên đi thăm ao vào buổi sáng sớm, nhất là những ngày hè. Do lượng chất hữu cơ quá nhiều làm quá trình oxy hóa diễn ra mạnh, làm giảm hàm lượng oxy dẫn đến tôm nổi đầu. Trong trường hợp

này phải thay nước ngay. Nếu không thay được phải dùng bơm để đưa nước mới vô.

- Trong những ngày mưa to phải xả ngay nước tầng mặt ra xa, rồi lấy nước tầng đáy.

- Kiểm tra, phát hiện kịp thời những chỗ rò rỉ, sụp lở nơi bờ mương và cống, những chỗ rách của lưới chắn.

- Tiêu diệt tạp: cá (có thể sử dụng lưới cào, bẫy, lưới bén hoặc lưới bao. Chú ý đến mắt lưới đủ cho tôm thoát ra ngoài được), cua (dùng bẫy rập hoặc câu), ốc...

9. Thu hoạch:

- Thường nuôi được 4 tháng, người ta tiến hành thu hoạch.

- Dùng lưới túi hoặc lưới khung rất có kết quả, nhất là trong những ngày nắng hoặc nắng liên tục tới mưa. Bằng cách tháo bớt nước trong ao, để khoảng 3 ngày. Khi đó nhiệt độ tăng cao. Sau đó mới cho nước mới vào lúc cuối con triều để lượng nước lấy vào không nhiều, sau đó tháo cạn. Tôm bị kích thích nước, đi tìm môi trường thuận lợi sẽ bỏ chạy theo dòng nước.

10. Bảo quản

Công tác bảo quản tuy thuộc công việc của người chế biến nhưng người nuôi muốn sản phẩm có chất lượng tốt, giá trị cao cũng cần phải hiểu biết kỹ thuật bảo quản sơ bộ.

Trước khi thu hoạch phải dự kiến sản lượng để dự trữ đủ nước đá ướp tôm.

Tôm sau khi thu hoạch được rửa sạch, loại bỏ chất bẩn bám vào. Nếu vận chuyển ngắn có thể để nguyên đầu. Còn vận chuyển xa, tốt nhất là lặt đầu càng nhanh càng tốt.

Sau đó ướp đá theo tỷ lệ 2-3 đá/1tôm (2-3 kg đá cho 1 kg tôm). Cuối cùng vận chuyển đến nhà máy chế biến.

Ở những trại nuôi gần đường giao thông, nếu dùng xe lạnh để vận chuyển có thể giảm xuống 1đá/1tôm.

Tóm lại tôm sú là đối tượng có nhiều ưu việt hơn những loài tôm nước lợ, lại rất thích hợp trong điều kiện ở nước ta. Việc nuôi đối tượng này chắc chắn sẽ đem lại hiệu quả to lớn nếu người nuôi nắm được một số kiến thức cơ bản để có thể vận dụng trong quá trình nuôi và xử lý dễ dàng các trở ngại.

Trong toàn bộ kỹ thuật nuôi, phải chú ý kỹ từng khâu. Chúng có mối quan hệ mật thiết hữu cơ với nhau để đưa đến kết quả mong muốn.

NMT.